

Số: 07/2007/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 7 năm 2007

**NGHỊ QUYẾT**

**Về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư  
phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh  
giai đoạn 2008 - 2010**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 210/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2007-2010; Quyết định số 219/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi quyết định số 151/2006/QĐ-TTg ngày 29/6/2006 và Quyết định số 210/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2008 - 2010; Báo cáo thẩm tra số 15/BC - KTNS<sub>16</sub> ngày 12 tháng 7 năm 2007 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2008 - 2010 (có nội dung kèm theo).

**Điều 2.** Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2007./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- Chánh, Phó Văn phòng HĐND và Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Sáng Vang**

**NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC**  
**Phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước**  
**trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2008 - 2010**

(Kèm theo Nghị quyết số 07/2007/NQ-HĐND ngày 17/7/2007 của HĐND tỉnh)

**I. PHÂN BỐ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CỦA TỈNH**

**1. Nguyên tắc chung:**

- Việc xây dựng các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách Nhà nước theo hướng phục vụ các mục tiêu, định hướng phát triển chung và mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực đến năm 2010; Thực hiện đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, đồng thời bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng về phân bổ vốn đầu tư phát triển.

- Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước được cân đối trên cơ sở tổng thể giữa nhu cầu đầu tư phục vụ mục tiêu tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và khả năng của ngân sách. Tập trung đầu tư những địa bàn, lĩnh vực trọng điểm, hoàn thiện một bước về kết cấu hạ tầng, nhằm tạo môi trường thuận lợi để huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, góp phần thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng theo mục tiêu đề ra.

- Bảo đảm mối tương quan hợp lý giữa đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội, quốc phòng, an ninh; phục vụ các mục tiêu phát triển giữa các huyện, thị xã, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh.

- Bố trí vốn để thanh toán các khoản nợ và ứng trước năm kế hoạch.

- Trên cơ sở tổng mức được Chính phủ giao và ổn định cho tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2007-2010, vốn xây dựng cơ bản tập trung (không bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn thu từ xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền sử dụng đất) được phân bổ như sau:

- 80% đầu tư cho các công trình, dự án thuộc cấp tỉnh quản lý;

- 20% đầu tư cho các công trình, dự án thuộc cấp huyện (các huyện, thị xã) quản lý.

**2. Nguyên tắc phân bổ chi đầu tư phát triển cho các công trình, dự án thuộc cấp tỉnh quản lý**

- Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước chỉ bố trí cho các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng hoàn vốn trực tiếp;

- Các công trình, dự án đảm bảo phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo kế hoạch đề ra;

- Các công trình, dự án được bố trí vốn phải nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt, có đủ các thủ tục đầu tư theo các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng;

- Bố trí vốn tập trung, bảo đảm hiệu quả đầu tư. Ưu tiên bố trí cho các dự án trọng điểm, các công trình, dự án hoàn thành trong kỳ kế hoạch, vốn đối ứng cho các dự án ODA; đảm bảo thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành các dự án nhóm B không quá 4 năm, dự án nhóm C không quá 2 năm; không bố trí vốn cho các dự án khi chưa xác định rõ nguồn vốn.

### **3. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển cho các công trình, dự án thuộc cấp huyện quản lý**

#### **3.1. Nguyên tắc xác định các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư trong cân đối cho các huyện, thị xã thuộc tỉnh**

- Các tiêu chí và định mức chi đầu tư phát triển được xây dựng cho năm 2008, là cơ sở để xác định tỷ lệ điều tiết và số bổ sung cân đối của ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, được ổn định trong 3 năm của giai đoạn 2008 - 2010;

- Bảo đảm tương quan hợp lý để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo kế hoạch 5 năm 2006-2010 và các mục tiêu đề ra trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh;

- Bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút các nguồn vốn khác, bảo đảm mục tiêu huy động cao nhất nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

#### **3.2. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách cho các huyện, thị xã thuộc tỉnh giai đoạn 2008-2010**

Được xác định theo 5 tiêu chí sau:

- Tiêu chí 1: tiêu chí dân số gồm 2 tiêu chí: tổng số dân và số người dân tộc thiểu số trên địa bàn;

- Tiêu chí 2: tiêu chí về trình độ phát triển, gồm 2 tiêu chí: tỷ lệ (%) hộ nghèo và thu nội địa (không bao gồm khoản thu tiền sử dụng đất);

- Tiêu chí 3: tiêu chí diện tích tự nhiên;

- Tiêu chí 4: tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, gồm 2 tiêu chí: tổng số xã và số xã khu vực III;

- Tiêu chí 5: tiêu chí bổ sung.

#### **3.3. Xác định số điểm của từng tiêu chí**

**3.3.1) Tiêu chí 1: được xác định theo 2 tiêu chí: tổng số dân và số người dân tộc thiểu số. Cách tính điểm cụ thể của từng tiêu chí như sau:**

a) Điểm của tiêu chí tổng số dân:

| Số dân                                                                                    | Điểm |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| Địa phương có số dân số dưới 60.000 người                                                 | 1    |
| Địa phương có số dân số từ 60.000 người trở lên, cứ 10.000 người tăng thêm được cộng thêm | 0,1  |

b) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số:

| Số người dân tộc thiểu số                                       | Điểm |
|-----------------------------------------------------------------|------|
| Địa phương có số người dân tộc thiểu số từ 20.000 người trở lên | 1    |

**3.3.2) Tiêu chí 2: được tính trên tổng số điểm của 2 tiêu chí tỷ lệ (%) hộ nghèo (theo chuẩn mới) và tiêu chí thu nội địa (không bao gồm khoản thu tiền sử dụng đất)**

a) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

| Tỷ lệ hộ nghèo (chuẩn mới) | Điểm |
|----------------------------|------|
| Cứ 10% tỷ lệ hộ nghèo      | 1    |

(Tỷ lệ hộ nghèo được xác định trên cơ sở kết quả giảm nghèo hàng năm)

b) Điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất):

| Thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất)                             | Điểm |
|---------------------------------------------------------------------------------|------|
| Số thu nội địa dưới 10 tỷ đồng                                                  | 1    |
| Số thu từ 10 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng, cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được cộng thêm | 0,2  |
| Số thu từ 20 tỷ đồng trở lên, thì cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được cộng thêm         | 0,4  |

**3.3.3) Tiêu chí 3: diện tích tự nhiên**

| Diện tích tự nhiên                                                                                     | Điểm |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| Dưới 500 km <sup>2</sup>                                                                               | 3    |
| Từ 500 km <sup>2</sup> đến dưới 800 km <sup>2</sup> , cứ 100 km <sup>2</sup> tăng thêm được cộng thêm  | 0,3  |
| Từ 800 km <sup>2</sup> đến dưới 1000 km <sup>2</sup> , cứ 100 km <sup>2</sup> tăng thêm được cộng thêm | 0,2  |
| Từ 1.000 km <sup>2</sup> trở lên, cứ 100 km <sup>2</sup> tăng thêm được cộng thêm                      | 0,1  |

**3.3.4) Tiêu chí 4: đơn vị hành chính cấp xã, gồm 2 tiêu chí: tổng số xã và số xã khu vực III**

a) Điểm của tiêu chí tổng số xã:

| <i>Đơn vị hành chính cấp xã</i>                          | <i>Điểm</i> |
|----------------------------------------------------------|-------------|
| Địa phương có tổng số xã dưới 10 xã                      | 1           |
| Từ 10 xã đến dưới 20 xã, mỗi xã tăng thêm được cộng thêm | 0,2         |
| Từ 20 xã trở lên, mỗi xã tăng thêm được cộng thêm        | 0,1         |

b) Điểm của tiêu chí xã khu vực III:

| <i>Đơn vị hành chính xã khu vực III</i> | <i>Điểm</i> |
|-----------------------------------------|-------------|
| Cứ 1 xã                                 | 0,1         |

**3.3.5) Tiêu chí 5: điểm các tiêu chí bổ sung (theo thị xã và thị trấn)**

| <i>Địa phương</i>  | <i>Điểm</i> |
|--------------------|-------------|
| - Nhóm 1: Thị xã   | 3           |
| - Nhóm 2: Thị trấn | 2           |

**3.4. Tổng số điểm phân bổ vốn đầu tư của từng địa phương**

Tổng số điểm của từng địa phương là tổng cộng điểm được xác định theo 5 tiêu chí: Dân số, trình độ phát triển, diện tích tự nhiên, đơn vị hành chính cấp xã và tiêu chí bổ sung đối với từng địa bàn huyện, thị xã.

| Tổng số điểm    | Điểm       | Điểm       | Điểm         | Điểm     | Điểm       |
|-----------------|------------|------------|--------------|----------|------------|
| phân bổ VĐT     | = tiêu chí | + tiêu chí | + tiêu chí + | tiêu chí | + tiêu chí |
| từng địa phương | dân số     | trình độ   | diện tích    | đơn vị   | bổ sung    |
|                 |            | phát triển | tự nhiên     | cấp xã   |            |

**3.5. Xác định mức vốn đầu tư trong vốn cân đối ngân sách địa phương cho các huyện, thị xã**

Cơ sở để xác định mức vốn đầu tư phân bổ cho từng địa phương dựa trên các yếu tố nguồn vốn cân đối ngân sách cho đầu tư phát triển, số điểm phân bổ vốn đầu tư theo 5 tiêu chí nêu trên.

### 3.5.1) Số vốn định mức tính cho 1 điểm phân bổ vốn đầu tư

Được xác định như sau :

$$\begin{array}{l} \text{Số vốn định mức} \\ \text{tính cho 1 điểm} \\ \text{phân bổ vốn đầu tư} \end{array} = \frac{\text{Tổng số vốn cân đối cho 6 địa phương.}}{\text{Tổng số điểm phân bổ VĐT của 6 địa phương.}}$$

### 3.5.2) Tổng số vốn trong cân đối cho từng địa phương

Được xác định như sau :

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số vốn} \\ \text{cân đối cho} \\ \text{từng địa phương} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số vốn định mức} \\ \text{tính cho 1 điểm} \\ \text{phân bổ vốn đầu tư} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số điểm phân bổ} \\ \text{vốn đầu tư của} \\ \text{từng địa phương.} \end{array}$$

## II. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ CHI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI CÁC NGUỒN VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

**1. Đối với nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng và các nguồn vốn đầu tư bổ sung có mục tiêu khác:** nguồn vốn này đã được Trung ương phân bổ cho các chương trình, dự án cụ thể để thực hiện đầu tư theo một số mục tiêu có tính chất không ổn định trong cân đối ngân sách hàng năm. Ủy ban nhân dân tỉnh giao lại cho các đơn vị được quản lý vốn của từng chương trình, dự án trên cơ sở mức vốn do Trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu cụ thể từng năm.

**2. Vốn Chương trình 135 giai đoạn 2006-2010:** nguồn vốn được bố trí theo nguyên tắc:

- 70% cho Dự án phát triển cơ sở hạ tầng;
- 25% cho Dự án đẩy mạnh phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế;
- 5% cho Dự án nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và năng lực cộng đồng.

Đối với Dự án hỗ trợ các dịch vụ xã hội, cải thiện nâng cao đời sống nhân dân được thực hiện lồng ghép với các chương trình, dự án khác để hỗ trợ cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường; hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ y tế, văn hoá thông tin, hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí

**3. Vốn Chương trình 134:** Căn cứ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, dự toán thực hiện được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị và kế hoạch vốn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình 134, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm phân bổ vốn chi tiết theo từng mục tiêu quy định tại Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20

tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ; ưu tiên bố trí vốn để bảo đảm về điều kiện phát triển sản xuất và đời sống của người dân tộc thiểu số nghèo.

#### **4. Đối với nguồn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết**

Từ năm 2007, nguồn thu xổ số kiến thiết không đưa vào cân đối thu, chi ngân sách địa phương mà được quản lý qua ngân sách nhà nước. Toàn bộ nguồn thu này được sử dụng để đầu tư cho các công trình phúc lợi xã hội quan trọng của địa phương, trong đó tập trung đầu tư hạ tầng cho lĩnh vực giáo dục, y tế; không sử dụng nguồn thu này vào mục đích khác.

Tổng dự toán nguồn thu từ xổ số kiến thiết hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhưng tối đa không vượt quá mức thu do Bộ Tài chính hướng dẫn.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 8**